

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
16.4	Tuyến đường giao thông	Cầu Chùa (KV Đông Bình)	Vườn sinh thái Tân Lộc (KV Tân Mỹ 2)	1.800
16.5	Tuyến đường giao thông	Cầu Chùa (KV Đông Bình)	Bến đò Tắc Cây Bàng	1.800
17	Phường Phú Lợi			
17.1	Đường Hai Bà Trưng	Suốt tuyến		50.000
17.2	Đường Đồng Khởi	Suốt tuyến		40.000
	Hẻm 122	Suốt hẻm		6.000
17.3	Đường 3 Tháng 2	Suốt tuyến		40.000
17.4	Đường Nguyễn Văn Trỗi	Suốt tuyến		30.000
	Hẻm 33	Suốt hẻm		6.000
	Hẻm 45	Suốt hẻm		4.500
17.5	Đường Đào Duy Từ	Suốt tuyến		22.000
17.6	Đường Phạm Ngũ Lão	Đường Hai Bà Trưng	Đường 3 Tháng 2	35.000
		Đường Hai Bà Trưng	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	26.000
	Hẻm 36	Suốt hẻm		5.000
17.7	Đường Phan Chu Trinh	Đường Hai Bà Trưng	Đường 3 Tháng 2	35.000
		Đường Hai Bà Trưng	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	25.000
		Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Đề Thám	18.000
	Hẻm 124	Suốt hẻm		5.300
	Hẻm 118	Suốt hẻm		6.000
17.8	Đường Hàm Nghi	Suốt tuyến		35.000
17.9	Đường Hoàng Diệu	Suốt tuyến		40.000
17.10	Các hẻm vào khu vực Chợ Bàn Cờ Đường Hoàng Diệu	Suốt hẻm		9.000
17.11	Đường Nguyễn Hùng Phước	Suốt tuyến		35.500
17.12	Đường Ngô Quyền	Suốt tuyến		26.500
17.13	Đường Đinh Tiên Hoàng	Suốt tuyến		22.000
17.14	Đường Nguyễn Văn Cừ	Suốt tuyến		17.000
	Hẻm 12	Suốt hẻm		3.700
	Hẻm 49	Suốt hẻm		3.000

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
17.16	Đường Nguyễn Huệ	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	18.000
		Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Hai Bà Trưng	31.000
		Đường Hai Bà Trưng	Đường Nguyễn Du	35.500
		Đường Nguyễn Du	Hết đất Chùa Đại Giác	22.000
		Giáp đất Chùa Đại Giác	Đường Lê Duẩn	8.500
	Hẻm 103 (P1)	Suốt hẻm		5.500
	Hẻm 155 (P1)	Suốt hẻm		4.500
	Hẻm 79 (P1)	Suốt hẻm		5.000
17.17	Đường Nguyễn Du	Suốt tuyến		17.500
17.18	Đường Nguyễn Đình Chiểu	Suốt tuyến		10.500
	Hẻm 89, 113	Suốt hẻm		2.700
	Hẻm 129	Suốt hẻm		2.200
17.19	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Lê Lợi	Đường 30 Tháng 4 - Cổng Bộ Đội Biên Phòng	35.500
	Hẻm 93	Suốt hẻm		5.300
	Hẻm 83	Suốt hẻm		4.900
	Hẻm 98	Suốt hẻm		4.900
	Hẻm 76	Suốt hẻm		5.300
17.20	Đường Cách Mạng Tháng Tám	Đường Hai Bà Trưng	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	31.000
		Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Nguyễn Văn Hữu	22.000
	Hẻm 58	Suốt hẻm		5.300
17.21	Đường Lý Thường Kiệt	Đầu Voi	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	11.000
		Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Đồng Khởi	30.000
		Đường Đồng Khởi	Đường Lê Duẩn	11.000
		Đường Lê Duẩn	Chợ Sông Định	10.000
	Hẻm 176 (P1)	Suốt hẻm		4.900
	Hẻm 168 (P1)	Suốt hẻm		4.900
	Hẻm 306B, 730 (P4)	Suốt hẻm		2.700
	Hẻm 310 (P4)	Suốt hẻm		2.700
	Hẻm 584, 730, 764, 944	Suốt hẻm		2.700

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
17.22	Đường Trần Hưng Đạo	Đường 30 Tháng 4	Đường Phú Lợi	40.000
		Đường Phú Lợi - Lê Duẩn	Đường Nguyễn Văn Linh - Dương Minh Quan	30.000
		Đường Nguyễn Văn Linh - Dương Minh Quan	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	18.000
	Hẻm 174, 98, 144 (P2)	Suốt hẻm		4.500
	Hẻm 45, 51 (P3)	Suốt hẻm		4.900
	Hẻm 357 (Đường vào Trường Quân Sự tỉnh)	Suốt hẻm		4.500
	Hẻm 449 (P3)	Suốt hẻm		4.500
	Hẻm 27, 71, 101, 137 (P3)	Suốt hẻm		4.500
	Hẻm 191, 199, 227, 249, 265, 285, 427, 491 (P3)	Suốt hẻm		4.500
	Hẻm 140	Suốt hẻm		3.500
	Hẻm 567	Đường Trần Hưng Đạo	Hết thửa đất số 82, tờ bản đồ số 51	3.200
		Giáp thửa đất số 82, tờ bản đồ số 51	Đường Vành Đai II (đoạn 2)	2.000
17.23	Tuyến tránh Quốc lộ 1A	Đường Dương Kỳ Hiệp	Đường Phú Tức	4.000
17.24	Đường Lê Hồng Phong	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	22.000
		Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Đoàn Thị Điểm	16.000
		Đường Đoàn Thị Điểm	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	11.000
	Hẻm 90 (P3)	Suốt hẻm		3.700
	Hẻm 33 (P3)	Suốt hẻm		4.500
	Hẻm 508 (P3)	Suốt hẻm		3.400
	Hẻm 604 (P3)	Đường Lê Hồng Phong	Hết thửa đất 214, tờ bản đồ 60	3.400
	Hẻm 585 (P3)	Suốt hẻm		3.700
	Hẻm 462	Suốt hẻm		2.500
	Hẻm 655 (P3)	Suốt hẻm		4.500
	Hẻm 639, 673	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 719	Đường Lê Hồng Phong	Hết thửa đất 185, tờ bản đồ số 56	1.600
		Giáp thửa đất 185, tờ bản đồ số 56	Đường 30 Tháng 4	1.100

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
17.25	Đường Phú Lợi	Suốt tuyến		40.000
	Hẻm 263, 244, 155, 333	Suốt hẻm		4.900
	Hẻm 73	Đường Phú Lợi	Cuối hẻm (Giáp đất bà Lâm Thị Mười)	3.700
	Hẻm 73/26	Suốt hẻm		3.100
	Hẻm 188	Suốt hẻm		3.600
	Hẻm 99	Suốt hẻm		4.900
	Hẻm 293	Suốt hẻm		3.600
17.26	Đường Lê Duẩn	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Hồng Phong	27.000
		Đường Lê Hồng Phong	Đường 30 Tháng 4	22.000
		Đường 30 Tháng 4	Đường Mạc Đĩnh Chi	16.000
		Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Lý Thường Kiệt	11.000
	Hẻm 24 (P3)	Suốt hẻm		4.900
	Hẻm 546 (P4)	Suốt hẻm		4.900
17.27	Đường dân sinh cấp chân cầu qua sông Maspero	Đường Lê Duẩn	Đường Lý Thường Kiệt	6.000
17.28	Đường Võ Văn Kiệt (Quốc lộ 1A cũ)	Cầu Kênh Xáng	Cổng Trắng	10.000
		Cổng Trắng	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	7.500
	Hẻm 472, 389, 526 (P2)	Suốt hẻm		3.400
	Hẻm 417, 448, 538, 607, 547, 638, 699, 757, 825, 726, 882; 789, 901 (P2)	Suốt hẻm		1.800
	Hẻm 416 (P2)	Suốt hẻm		1.600
	Hẻm 437 (P2)	Đường Võ Văn Kiệt	Hết thửa đất số 15, tờ bản đồ 04 của ông Dương Văn Thâm	3.400
		Cả Khu dân cư 437		2.500
	Hẻm 792 (P2)	Đường Võ Văn Kiệt	Hết thửa đất số 23, tờ bản đồ số 24	1.800
		Đầu ranh thửa đất số 25, tờ bản đồ số 24	Hết thửa đất số 2234, tờ bản đồ số 53	1.800
17.29	Đường Trần Nhân Tông (P2)	Đường Võ Văn Kiệt	Giáp ranh Thiền viện Trúc Lâm Sóc Trăng	3.500

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
17.30	Đường 30 Tháng 4	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Nguyễn Du	24.000
		Đường Nguyễn Du	Ngã tư Đường Lê Duẩn	15.000
		Ngã tư đường Lê Duẩn	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	6.000
	Hẻm 290 (P3)	Suốt hẻm		2.500
	Hẻm từ Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh đến hẻm 278, Đường Trương Công Định	Suốt hẻm		4.500
	Hẻm 496 (P3)	Suốt hẻm		3.100
	Hẻm 625	Suốt hẻm		1.300
17.31	Đường Hồ Minh Luân	Suốt tuyến		22.000
17.32	Đường Trần Phú	Suốt tuyến		11.000
17.33	Đường Trần Văn Sắc	Suốt tuyến		11.000
17.34	Đường Hồ Hoàng Kiếm	Suốt tuyến		11.000
17.35	Đường Quảng Trường Bạch Đằng	Suốt tuyến		13.000
17.36	Đường Trương Công Định	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Nguyễn Văn Linh	17.500
		Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Võ Văn Kiệt	13.000
	Hẻm 9, 93 (P2)	Suốt hẻm		4.500
	Hẻm 267, 278 (P2)	Suốt hẻm		2.200
	Hẻm 37 (P2)	Suốt hẻm		1.900
	Hẻm 46, 56, 86, 98, 140, 246, 292, 109 (P2)	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 195 (P2)	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 109 nối dài (Cặp Chùa Hương Sơn)	Suốt hẻm		1.400
	Hẻm 167 (P2)	Suốt hẻm		2.000
17.37	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Phú Lợi	Đường 30 Tháng 4 - Cổng Biên Phòng	11.000
17.38	Đường Trần Bình Trọng	Suốt tuyến		9.500
	Hẻm 31, 59	Suốt hẻm		1.500
17.39	Đường Lý Tự Trọng	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Trần Bình Trọng	9.500
	Hẻm 25	Suốt hẻm		2.200
17.40	Đường Bùi Thị Xuân	Đường Lý Tự Trọng	Đường Trương Văn Quới	8.000
17.41	Đường Trương Văn Quới	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Trung	9.500

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
17.42	Đường Nhật Lệ (Đường Nhánh Phú Lợi)	Đường Phú Lợi	Đường Trương Văn Quới	9.500
17.43	Đường Nguyễn Trãi	Suốt tuyến		26.000
17.44	Đường Bạch Đằng	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Mạc Đĩnh Chi	6.000
		Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường 30 Tháng 4	3.500
	Hẻm 22, 66, 196, 255, 88, 118 (P4)	Suốt hẻm		1.100
17.45	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Đồng Khởi	Ngã tư Đường Lê Duẩn	14.000
		Ngã tư Đường Lê Duẩn	Đường Bạch Đằng	11.000
	Hẻm 9, 45, 233 (P4)	Suốt hẻm		2.700
	Hẻm 119	Suốt hẻm		2.700
	Hẻm 33 (P4)	Suốt hẻm		2.400
	Hẻm 537, 539, 759 (P4)	Suốt hẻm		1.400
	Hẻm 70 (P9)	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm 80 (P9)	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm 218 (P9)	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm 230 (P9)	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm 266 (P9)	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Nguyễn Huệ	1.300
	Hẻm 456 (P9)	Đường Mạc Đĩnh Chi	Kênh 3 Tháng 2	1.300
	Hẻm 548 (P9)	Đường Mạc Đĩnh Chi	Hết ranh thửa đất số 590 tờ bản đồ 20	1.300
17.46	Đường Mạc Đĩnh Chi nối dài (Đê bao ngăn mặn)	Cầu Mạc Đĩnh Chi	Giáp ranh xã Tân Thạnh	1.300
17.47	Đường Võ Nguyên Giáp (P4)	Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Lý Thường Kiệt	3.500
17.48	Đường Phan Đình Phùng	Đường Nguyễn Huệ	Đường Mạc Đĩnh Chi	12.000
		Đường Mạc Đĩnh Chi	Hẻm 150, Đường Phan Đình Phùng	9.000
17.49	Đường Vành Đai II (P3)	Đường Dương Minh Quan	Hết ranh đất Công ty Satraco	5.000
		Giáp ranh đất Công ty Satraco	Đường Văn Ngọc Chính	3.000

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
17.50	Đường dân sinh cấp chân cầu Khánh Hưng (Bên phải)	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Trương Công Định	4.500
	Đường dân sinh cấp chân cầu Khánh Hưng (Bên trái)	Suốt tuyến		4.500
17.51	Đường Mai Thanh Thế	Suốt tuyến		15.000
	Hẻm 1, 12	Suốt hẻm		2.200
	Hẻm 64, 76, 152	Suốt hẻm		2.200
	Hẻm cuối Đường Mai Thanh Thế	Thửa đất số 65, tờ bản đồ số 05	Hết thửa đất số 29, tờ bản đồ số 05 (P9)	2.200
	Hẻm cuối Đường Mai Thanh Thế thông qua Đường Mạc Đĩnh Chi	Đường Mai Thanh Thế	Đường Mạc Đĩnh Chi	4.600
17.52	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Lê Hồng Phong	Đường 30 Tháng 4	11.000
	Hẻm 65, 143, 181	Suốt hẻm		2.000
	Hẻm 83	Suốt hẻm		2.000
17.53	Đường Phan Bội Châu	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	11.000
17.54	Đường Thủ Khoa Huân	Đường Phan Bội Châu	Đường 30 Tháng 4	9.500
17.55	Đường Trần Quang Diệu	Suốt tuyến		9.500
17.56	Đường Nguyễn Văn Thêm	Suốt tuyến		11.000
17.57	Đường Nguyễn Văn Hữu	Suốt tuyến		14.000
17.58	Đường Bùi Viện	Suốt tuyến		9.000
	Hẻm 2	Suốt hẻm		1.500
17.59	Đường Đề Thám	Suốt tuyến		14.000
	Hẻm 6	Suốt hẻm		3.700
17.60	Đường Lê Văn Tám	Suốt tuyến		5.000
	Hẻm 68	Suốt hẻm		900
	Hẻm 122	Suốt hẻm		900
17.61	Đường Châu Văn Tiến	Suốt tuyến		11.000

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
17.62	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Phú Lợi	17.000
		Đường Phú Lợi	Cầu Chữ Y	14.000
	Hẻm 160, 222	Suốt hẻm		2.200
	Hẻm 48, 366, 358, 414, 468	Suốt hẻm		2.200
	Hẻm 44	Đường Nguyễn Văn Linh	Hết thửa số 433, tờ bản đồ số 12	2.200
	Hẻm 175	Đường Nguyễn Văn Linh	Hết thửa đất số 99, tờ bản đồ số 37	4.000
	Hẻm 206	Đường Nguyễn Văn Linh	Hẻm 244, Đường Phú Lợi	2.000
	Hẻm 305	Đường Nguyễn Văn Linh	Hết ranh đất Lương Thanh Hải (Thửa 226, tờ bản đồ số 44)	2.300
	Hẻm 367	Suốt hẻm		2.200
	Hẻm 468	Suốt hẻm		2.200
17.63	Đường Dương Kỳ Hiệp	Đường Nguyễn Văn Linh	Kênh 16 mét	7.000
		Kênh 16 mét	Tuyến tránh Quốc lộ 1A	2.200
		Tuyến tránh Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Mỹ Hương	1.800
	Hẻm 197	Suốt hẻm		550
	Hẻm 75	Đường Dương Kỳ Hiệp	Hết thửa đất 594, tờ bản đồ số 53	900
	Hẻm 189 (P2)	Suốt hẻm		600
17.64	Đường Dương Minh Quan	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Văn Ngọc Chính	10.000
	Hẻm 243	Đường Dương Minh Quan	Giáp thửa đất số 52, tờ bản đồ số 16	1.500
	Hẻm 175	Suốt hẻm		1.500

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
17.65	Đường Văn Ngọc Chính	Đường Lê Hồng Phong (Đầu ranh thửa 75, tờ bản đồ 31)	Đường Vành Đai II	9.000
		Đường Vành Đai II	Giáp ranh phường Mỹ Xuyên	5.000
	Hẻm 10, 26, 120, 69, 91	Suốt hẻm		1.300
	Hẻm 153 (Hẻm 135 cũ)	Suốt hẻm		1.300
	Hẻm 259, 295	Suốt hẻm		1.300
	Hẻm 237	Suốt hẻm		1.300
	Hẻm 279, 312, 420, 384, 434	Suốt hẻm		1.300
	Hẻm 217	Suốt hẻm		1.300
	Hẻm 185	Suốt hẻm		1.100
17.66	Đường Đoàn Thị Điểm	Đường Lê Hồng Phong	Đường 30 Tháng 4	7.000
	Hẻm 122	Đường Đoàn Thị Điểm	Hết thửa đất số 17, tờ bản đồ số 57	1.300
		Đầu ranh thửa đất số 234, tờ bản đồ số 57	Bờ kênh Thủy lợi (Phường Mỹ Xuyên)	1.300
	Hẻm 179	Đường Đoàn Thị Điểm	Hết thửa đất số 146, tờ bản đồ số 37	1.100
	Hẻm 152, 194, 204	Suốt hẻm		1.500
	Hẻm 30, 74	Suốt hẻm		900
	Hẻm 157	Suốt hẻm		1.100
17.67	Đường Trần Văn Bảy	Đường 30 Tháng 4	Đường Lê Hồng Phong	4.500
	Hẻm 99, 134	Suốt hẻm		900
	Hẻm 163	Suốt hẻm		900
17.68	Đường Phú Túc	Cổng Trắng (Đường Võ Văn Kiệt)	Giáp ranh xã Mỹ Hương	2.500
17.69	Đường Võ Thị Sáu	Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Duẩn	9.000
17.70	Đường Trần Quang Khải	Đường Võ Văn Kiệt	Đườngương Nguyệt Anh	7.000
17.71	Đườngương Nguyệt Anh	Đường Dương Kỳ Hiệp	Giáp ranh phường Sóc Trăng	1.800
		Đoạn còn lại (Lộ nhựa cặp kênh 8 mét - Phường 2 cũ)		1.300
17.72	Đường Triệu Quang Phục (Đường Cổng Trắng)	Đường Võ Văn Kiệt	Lộ nhựa Quân Khu IX	3.500

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
17.73	Đường dân sinh trước Bệnh viện Đa khoa Tỉnh song song với Đường Lê Duẩn (Đường Kênh Nhân Lực)	Kênh Cô Bắc	Kênh 3 Tháng 2	6.000
17.74	Đường cặp Kênh 3 Tháng 2 (P9)	Đường Kênh Nhân Lực	Đường Bạch Đằng	900
17.75	Đường Lê Đại Hành	Suốt tuyến		1.600
17.76	Đường Phan Văn Chiêu (Đường Kênh Quảng Khuôn cũ)	Đường Mạc Đình Chi	Đường 30 Tháng 4	1.900
17.77	Đường Trần Thủ Độ	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Võ Văn Kiệt	3.000
17.78	Đường Lưu Khánh Đức (Lộ nhựa cặp Quân Khu IX cũ) P2	Suốt tuyến		3.000
17.79	Đường đất 2 bên kênh 16 mét (P2)	Suốt tuyến		1.300
17.80	Các tuyến thuộc dự án LIA 1 (P4)	Suốt tuyến		5.000
17.81	Đường nhánh các cơ quan tư pháp tuyến Đường Võ Nguyên Giáp (P4)	Phía dãy các cơ quan hiện hữu Đường N2 trong quy hoạch phân khu hướng Đông		1.800
17.82	Đường N3	Suốt tuyến		3.600
17.83	Đường D7	Suốt tuyến		3.600
17.84	Đường D2	Suốt tuyến		3.600
17.85	Khu tái định cư số 01			
	Đường N2	Suốt tuyến		9.100
	Các tuyến đường còn lại trong Khu tái định cư	Suốt tuyến		6.500
17.86	Lộ đá Khu dân cư Bình An	Suốt tuyến		7.000
17.87	Khu dân cư Hạnh Phúc	Cả khu		5.000
17.88	Khu dân cư của Hẻm 357 (Điểm dân cư Trường Quân Sự tỉnh)	Cả khu		4.500
17.89	Khu dân cư Sáng Quang (Phường 2 cũ)	Cả khu		7.000

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
17.90	Khu dân cư xung quanh trường Quân sự Quân Khu 9 (Khu dân cư 586)			
	Khu A	Các lô nền A5, A8, A12		10.000
	Khu B	Có mặt tiền giáp Đường Trần Hưng Đạo		16.000
	Đường số 1	Đường Trần Hưng Đạo	Đường số 9	6.000
		Đường số 9	Đường số 7	5.500
	Đường số 2, 3, 4, 5, 6, 6A, 7, 8, 9, 10	Suốt tuyến		4.000
17.91	Dự án Phát triển đô thị và tái định cư khu 5A			
	Đường 14, 20, 22 và 23	Suốt tuyến		7.000
	Đường 9A, 9B	Suốt tuyến		7.000
	Đường số 5, 6, 16	Suốt tuyến		9.000
	Đường số 2, 3, 4, 7, 8, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 17, 18, 19, 21, N24	Suốt tuyến		7.000
	Các đường còn lại trong Khu dân cư	Suốt tuyến		6.000
17.92	Khu nhà ở thương mại Trần Quang Diệu (P2)	Đường số 1		7.000
		Các đường còn lại trong khu nhà ở thương mại Trần Quang Diệu		6.000
17.93	Khu nhà phố Thương mại VinCom ShopHouse Sóc Trăng (P2)	Suốt tuyến		12.000
18	Phường Sóc Trăng			
18.1	Đường Lê Lợi	Đường Tôn Đức Thắng	Nút giao thông Tượng Đài Trung Tâm	31.000
	Hẻm 63	Suốt hẻm		4.500
18.2	Đường Hùng Vương	Bên phải tuyến hết ranh Hồ Nước Ngọt; Bên trái tuyến giáp Đường Dã Tượng	Đường Trần Quốc Toản	40.000
	Hẻm 28	Đường Hùng Vương	Hẻm 2, Đường Huỳnh Phan Hộ	5.000
	Hẻm 63	Đường Hùng Vương	Rạch Trà Men	5.000
	Hẻm 93	Đường Hùng Vương	Hẻm 63, Đường Hùng Vương	5.000
	Hẻm 3	Đường Hùng Vương	Hẻm 42, Đường Yết Kiêu	5.000
	Hẻm 7	Đường Hùng Vương	Đường Điện Biên Phủ	5.000
	Hẻm 101, 121, 149	Đường Hùng Vương	Rạch Trà Men	4.000
	Hẻm 129	Suốt hẻm		3.500
	Hẻm 135	Suốt hẻm		6.000

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
18.3	Đường Lý Thánh Tông	Đường Hùng Vương	Đường Điện Biên Phủ	8.000
		Đường Hùng Vương	Kênh Trường Thọ	7.000
	Hẻm 29 (P6 cũ)	Đường Lý Thánh Tông	Đường Kênh 30 Tháng 4	2.000
18.4	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Lê Lợi	Đường Điện Biên Phủ	31.000
	Hẻm 145 (P6 cũ)	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Hẻm 81, Đường Ngô Gia Tự	4.000
18.5	Tuyến tránh Quốc lộ 1A	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	6.000
		Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Đường Dương Kỳ Hiệp	5.000
18.6	Đường Lê Duẩn	Cầu Lê Duẩn (Sông Maspero)	Đường Phạm Hùng	9.000
18.7	Quốc lộ 1	Giáp ranh xã An Ninh	Giao điểm giữa Tuyến tránh Quốc lộ 1 và Tuyến tránh Quốc lộ 60	5.700
18.8	Đường Võ Văn Kiệt	Giao điểm giữa Tuyến tránh Quốc lộ 1 và Tuyến tránh Quốc lộ 60	Bên trái giáp hẻm 121; Bên phải hết ranh Viện Kiểm sát	10.000
		Bên trái giáp hẻm 121; Bên phải hết ranh Viện Kiểm sát	Bên trái giáp Đường Trần Quốc Toàn; Bên phải hết ranh hẻm 298	15.000
		Bên trái giáp Đường Trần Quốc Toàn; Bên phải hết ranh hẻm 298	Cầu Kênh Xáng	10.000
	Hẻm 54	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Lê Hoàng Chu	1.000
	Hẻm 367 (P6 cũ)	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Điện Biên Phủ	1.800
	Hẻm 121	Đường Võ Văn Kiệt	Hết ranh thửa đất số 819, tờ bản đồ 103 (16 cũ)	1.300
	Hẻm 170	Đường Võ Văn Kiệt	Cuối hẻm	2.500
	Hẻm 222	Đường Võ Văn Kiệt	Đường Lê Hoàng Chu	1.300
	Hẻm 238	Suốt hẻm		1.600
	Hẻm 298	Suốt hẻm		2.400
	Hẻm 334	Suốt hẻm		1.600
18.9	Đường Nguyễn Trường Tộ	Đường Sóc Vồ	Hết ranh thửa đất số 122, tờ bản đồ 112	2.000
18.10	Đường Điện Biên Phủ	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Yết Kiêu	10.000
		Đường Yết Kiêu	Đường Lý Thánh Tông	8.000
		Đường Lý Thánh Tông	Đường Võ Văn Kiệt	6.000

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
18.11	Đường Kênh 19 Tháng 5	Đường Tôn Đức Thắng	Kênh Thanh Niên	1.000
		Kênh Thanh Niên	Kênh 30 Tháng 4	800
18.12	Đường Kênh 22 Tháng 3	Đường Lương Định Của	Cuối Kênh (Hết thửa 106, tờ bản đồ 49)	800
18.13	Đường Kênh Liêu Sơn	Đường đá Kênh Cầu Xéo	Kênh 2 Tháng 9	1.000
18.14	Đường Ngô Gia Tự	Ngã ba Đường Dã Tượng	Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	20.000
		Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh	Đường Lê Lai	18.000
	Hẻm 81	Suốt hẻm		4.000
	Hẻm 95	Suốt hẻm		3.500
18.15	Đường Lê Vĩnh Hòa	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Pasteur - Bà Triệu	9.000
	Hẻm 2	Đường Lê Vĩnh Hòa	Hết ranh thửa 107, tờ bản đồ số 155 (30)	1.300
		Giáp ranh thửa 107, tờ bản đồ số 30	Hết ranh thửa số 80, tờ bản đồ số 29	1.000
18.16	Đường Lê Lai	Đường Ngô Gia Tự	Đường Lê Lợi	10.000
18.17	Đường Calmette	Đường Ngô Gia Tự	Đường Nguyễn Chí Thanh	10.000
	Hẻm 33	Từ Calmette	Đường Lai Văn Túng	2.300
18.18	Đường Yết Kiêu	Đường Điện Biên Phủ	Đường Yết Kiêu	15.000
	Hẻm 42	Đường Yết Kiêu	Hẻm 218, Đường Điện Biên Phủ	2.300
18.19	Đường Dã Tượng	Đường Điện Biên Phủ	Đường Ngô Gia Tự	15.000
18.20	Đường Võ Đình Sâm	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Bà Triệu	9.000
	Hẻm 5	Đường Võ Đình Sâm	Hết thửa đất số 112, tờ bản đồ số 154 (29)	1.300
	Hẻm 9	Đường Võ Đình Sâm	Đường Trần Văn Hòa	1.300
18.21	Đường Đặng Văn Viễn	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Bà Triệu	9.000
18.22	Đường Pasteur	Đường Lê Vĩnh Hòa	Hẻm 196, Đường Tôn Đức Thắng	9.000
	Hẻm 50	Suốt hẻm		1.300

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
18.23	Đường Nguyễn Chí Thanh	Ranh Hồ Nước Ngọt	Đường Tôn Đức Thắng	20.000
	Hẻm 4	Đường Nguyễn Chí Thanh	Hết thửa đất số 57, tờ bản đồ 28	3.500
	Hẻm 79	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đường Lai Văn Tùng	3.000
18.24	Đường Trần Văn Hòa	Đường Lê Vĩnh Hòa	Đường Võ Đình Sâm	9.000
	Hẻm 36, 74	Đường Trần Văn Hòa	Đường Bà Triệu	1.300
	Hẻm 12	Đường Trần Văn Hòa	Hết thửa đất số 113, tờ bản đồ số 162 (37)	1.300
18.25	Đường Bà Triệu	Đường Lê Vĩnh Hòa	Đường Võ Đình Sâm	9.000
18.26	Đường Sơn Đê	Suốt tuyến		10.000
18.27	Đường Lai Văn Tùng	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Sơn Đê	11.000
	Hẻm 2	Suốt hẻm		2.300
18.28	Đường Dương Kỳ Hiệp	Kênh 16 mét	Tuyến tránh Quốc lộ 1A	2.000
		Tuyến tránh Quốc lộ 1A	Giáp lộ giao thông khu vực 24 phường Sóc Trăng	1.800
18.29	Đường Kênh 30 Tháng 4 (Nhánh phía Đông)	Đường Lý Thánh Tông	Đường Vành Đai I	6.000
		Đường Vành Đai I	Kênh 19 Tháng 5	1.800
18.30	Đường Kênh 30 Tháng 4 (Nhánh phía Tây)	Đường Lý Thánh Tông	Đường Vành Đai I	6.000
		Đường Vành Đai I	Giáp Khu dân cư Minh Châu	3.000
18.31	Đường Sóc Vồ	Giao điểm giữa tuyến tránh Quốc lộ 1 và tuyến tránh Quốc Lộ 60	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	1.200
18.32	Đường Lê Hoàng Chu	Cầu Kênh Xáng (Quốc lộ 1A)	Hẻm 222, Đường Võ Văn Kiệt	2.500
		Hẻm 222, Đường Võ Văn Kiệt	Đường Sóc Vồ	2.000
18.33	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Cầu Đen (Quốc lộ 1A)	Tuyến tránh Quốc lộ 1A	5.500
		Tuyến tránh Quốc lộ 1A	Bia tường niệm - Hết thửa đất số 13 tờ bản đồ số 105	4.500
		Bia tường niệm - Hết thửa đất số 13 tờ bản đồ số 105	Giáp ranh xã An Ninh	2.500
	Hẻm 91	Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa	Hết ranh thửa đất số 3; Thửa 64 tờ bản đồ 126	1.800

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
18.34	Đường Lý Đạo Thành	Đường Tôn Đức Thắng	Trung tâm phòng chống bệnh xã hội (cũ)	4.500
	Hẻm 8	Suốt hẻm		1.000
18.35	Đường Huỳnh Phan Hộ	Đường Hùng Vương	Đường Trần Quốc Toàn	7.000
	Hẻm 2	Đường Huỳnh Phan Hộ	Kênh 30 Tháng 4	3.000
	Hẻm 36	Đường Huỳnh Phan Hộ	Kênh 30 Tháng 4	5.500
	Hẻm 64, 76, 110, 117	Suốt hẻm		1.200
18.36	Đường Trần Quốc Toàn	Đường Hùng Vương	Đường Huỳnh Phan Hộ	7.000
	Hẻm 46, 104, 109	Suốt hẻm		1.200
18.37	Lộ giao thông khu vực 24 phường Sóc Trăng	Đường Trương Vĩnh Ký	Đường Dương Kỳ Hiệp	1.200
18.38	Tuyến tránh Quốc lộ 60	Đường Võ Văn Kiệt	Cổng sau Khu Công nghiệp An Nghiệp (Khu Thiết chế Công Đoàn)	5.000
		Cổng sau Khu Công nghiệp An Nghiệp (Khu Thiết chế Công Đoàn)	Giáp ranh xã An Ninh	4.000
		Giáp ranh xã Thuận Hòa	Đường Lương Định Của	4.355
	Hẻm 192	Tuyến tránh Quốc lộ 60	Hết thửa đất số 91 và 350, tờ bản đồ số 94	1.300
	Hẻm 334	Tuyến tránh Quốc lộ 60	Hết thửa đất số 98, tờ bản đồ số 43	900
18.39	Đường Trương Vĩnh Ký	Đường Sương Nguyệt Anh	Giáp ranh xã An Ninh	1.800
18.40	Đường Phan Đăng Lưu	Giáp hẻm 91, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa (thửa đất số 22, tờ bản đồ số 126 (40))	Giáp ranh xã An Ninh	1.500
18.41	Đường Nguyễn Văn Khuynh	Đường Phạm Hùng	Cầu Thanh Niên (Giáp Đường Chông Chác)	1.500
18.42	Đường Sóc Mồ Côi	Đường Phạm Hùng	Giáp ranh xã Tân Thạnh	1.000
18.43	Đường Trần Đại Nghĩa	Đường Phạm Hùng	Giáp ranh xã Tân Thạnh	1.000
18.44	Đường Lộ Châu Khánh	Đường Trần Đại Nghĩa	Giáp ranh xã Tân Thạnh	900

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
18.45	Đường Tôn Đức Thắng	Cầu C247	Đường Lê Vĩnh Hòa	20.000
		Đường Lê Vĩnh Hòa	Hẻm Chùa Phước Nghiêm	15.000
		Hẻm Chùa Phước Nghiêm	Đường Vành Đai I	10.000
		Đường Vành Đai I	Đường Vành Đai II	8.000
	Hẻm 87	Suốt hẻm		4.500
	Hẻm 163	Suốt hẻm		3.500
	Hẻm 189	Suốt hẻm		3.500
	Hẻm 196	Suốt hẻm		3.500
	Hẻm 222	Suốt hẻm		4.000
	Hẻm 250	Suốt hẻm		3.500
	Hẻm 278, 322, 352	Suốt hẻm		4.000
	Hẻm 354A	Suốt hẻm		3.500
	Hẻm 283	Suốt hẻm		3.500
	Hẻm 368	Suốt hẻm		3.000
	Hẻm 580	Suốt hẻm		2.400
	Hẻm 49	Suốt hẻm		4.000
	Hẻm 55	Đường Tôn Đức Thắng	Hẻm 4, Đường Nguyễn Chí Thanh	3.000
	Hẻm 74	Suốt hẻm		4.000
	Hẻm 146	Đường Tôn Đức Thắng	Đường Trần Văn Hòa	4.500
	Hẻm 166	Đường Tôn Đức Thắng	Hẻm 2, Đường Lê Vĩnh Hòa	4.500
	Hẻm 178	Đường Tôn Đức Thắng	Hẻm 2, Đường Lê Vĩnh Hòa	4.000
	Hẻm 311, 319, 337, 389, 398, 472, 498	Suốt hẻm		1.700
	Hẻm 382	Suốt hẻm		3.000
	Hẻm 420, 452, 532, 542, 552, 589, 573, 596, 638, 726, 744, 762, 780, 788, 792	Suốt hẻm		1.600
	Hẻm 525, 593, 674, 708, 716, 806, 814	Suốt hẻm		1.200
18.46	Đường Phạm Hùng	Đường Bà Triệu	Đường Vành Đai I	11.000
		Đường Vành Đai I	Đường Vành Đai II	9.000
		Đường Vành Đai II	Cầu Saintard	7.000
	Hẻm 5	Suốt hẻm		1.600
	Hẻm 117	Đường Phạm Hùng	Cuối hẻm	1.600
	Hẻm 54	Suốt hẻm		1.200
	Hẻm 98	Suốt hẻm		1.600
	Hẻm 112	Suốt hẻm		1.200
	Hẻm 126	Suốt hẻm		1.200

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
18.47	Đường Cao Thắng	Đường Coluso	Đường Huỳnh Cương	4.200
		Đường Huỳnh Cương	Cụm Công nghiệp Tân Phú	2.500
		Cụm Công nghiệp Tân Phú	Đường Phạm Hùng	2.500
18.48	Đường vào Cảng Sông	Đường Phạm Hùng	Đường Cao Thắng	3.000
18.49	Đường Chông Chác	Đường Nguyễn Văn Khuynh (Cầu Thanh Niên)	Đường Tôn Đức Thắng	1.200
18.50	Đường Lương Định Của	Đường Vành Đai II	Giáp ranh xã Trường Khánh	6.000
	Hẻm 131	Đường Lương Định Của	Giáp thửa đất số 89, tờ bản đồ 44 (4)	1.100
18.51	Đường Phạm Ngọc Thạch	Đường Bà Triệu	Đường Coluso	3.000
18.52	Đường Cầu Đen	Thửa đất số 39, tờ bản đồ 156 (31)	Thửa đất số 51, tờ bản đồ 163 (38)	900
18.53	Đường Kênh Xáng	Thửa 189, 227, tờ bản đồ 163 (38)	Thửa 87, tờ bản đồ 163 (38)	1.500
18.54	Đường Coluso	Đường Phạm Hùng	Đường Phạm Ngọc Thạch	3.500
		Đường Phạm Hùng	Lộ đá cặp kênh Cầu Xéo	3.000
18.55	Đường Huỳnh Cương	Đường Cao Thắng	Cụm Công nghiệp Tân Phú	2.500
		Cụm Công nghiệp Tân Phú	Hết ranh phường Sóc Trăng	2.000
18.56	Lộ đá cặp kênh Cầu Xéo	Hẻm 5 Đường Phạm Hùng	Đường Vành Đai II	1.200
18.57	Đường đê bao Trà Quýt	Giáp ranh phường Phú Lợi	Đường Nguyễn Trường Tộ	1.200
18.58	Lộ nhựa 7 mét	Cầu Maspero	Khán đài đua Ghe Ngo	2.000
18.59	Lộ Kênh Trường Thọ	Kênh 30 Tháng 4	Đường Kênh 19 Tháng 5	1.500
18.60	Khu dân cư Hưng Thịnh	Cả khu		10.000
18.61	Khu dân cư Tuấn Lan (P6 cũ)	Cả khu		7.000

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
18.62	Khu dân cư Đức Nguyên (Khu dân cư Nguyên Hưng Phát)	Các tuyến Đường nội bộ trong Khu dân cư (Trừ các thửa đất có cạnh tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ)		6.000
		Các thửa đất có cạnh tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ (Đoạn từ Đường Yết Kiêu đến Đường Lý Thánh Tông)		8.000
18.63	Khu dân cư Minh Châu:			
	Đường A1, A2	Suốt tuyến		6.000
	Đường B	Đường Võ Văn Kiệt	Đường A2	10.000
		Đường A2	Đường A1	7.000
		Đường A1	Kênh 30 Tháng 4	5.000
	Đường C1, C2, C3, C4, C5, C6, C7	Suốt tuyến		5.000
	Đường C8, C9, C10, C11	Suốt tuyến		5.000
	Đường D1, D2, D3, D4, D5, D6, D7, D8, D9, D10, D11, D12, D13, D14, D15, D16, D17, D18, D19	Suốt tuyến		5.000
19	Phường Mỹ Xuyên			
19.1	Quốc lộ 1A	Ngã ba Trà Tim	Hết ranh Chùa Chén Kiểu (Chùa Sà lôn)	5.200
		Giáp ranh Chùa Chén Kiểu (Chùa Sà Lôn)	Cổng Sà Lôn	5.000
		Cổng Sà Lôn	Giáp ranh xã Nhu Gia	4.200
19.2	Tuyến tránh Quốc lộ 60	Quốc lộ 1A	Giáp ranh phường Phú Lợi	5.200
19.3	Đường tỉnh 934	Đường Đoàn Minh Bảy	Cầu Cái Xe (Kênh Tiếp Nhựt)	6.400
		Cầu Cái Xe (Kênh Tiếp Nhựt)	Giáp ranh xã Tài Văn	4.800
	Hẻm 108 (Nghĩa trang)	Đường tỉnh 934	Kênh Xáng	1.600
	Hẻm 111	Suốt hẻm		1.700
	Hẻm 1 (Thạnh Lợi)	Suốt hẻm (Đường tỉnh 934 đến hết ranh đất ông Tạ Kim Sủng)		1.500
	Hẻm 2 (Chùa Xón Cón)	Đường tỉnh 934	Đường Huỳnh Văn Chính	1.700

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
19.4	Đường tỉnh 939 (Đại Tâm - Phú Mỹ)	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Mỹ Hương	900
19.5	Đường tỉnh 936 (Đại Tâm - Tham Đôn)	Quốc lộ 1A	Giáp ranh xã Ngọc Tổ	1.700
19.6	Đường huyện 56	Ngã tư Phước Kiện	Giáp ranh xã Ngọc Tổ	3.500
19.7	Đường Trần Hưng Đạo (Phường 10 cũ)	Giáp ranh phường Phú Lợi	Nút giao Ngã ba Trà Tim	16.000
19.8	Đường Võ Văn Kiệt	Giáp ranh phường Phú Lợi	Ngã ba Trà Tim	7.000
	Hẻm 962 (Phường Mỹ Xuyên)	Đường Võ Văn Kiệt	Hết tuyến	1.500
19.9	Đường Lê Hồng Phong (Đường tỉnh 934 cũ)	Giáp ranh phường Phú Lợi (Cầu Trắng)	Ngã tư Phước Kiện	8.500
19.10	Đường Văn Ngọc Chính	Giáp ranh phường Phú Lợi (Cầu Tà Lách)	Giáp ranh xã Ngọc Tổ	1.700
19.11	Đường An Dương Vương	Nút giao Ngã ba Trà Tim	Ngã tư Phước Kiện	4.500
19.12	Đường Trần Thủ Độ	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Võ Văn Kiệt	2.800
19.13	Đường Trưng Vương 1	Đường Phan Đình Phùng	Đường Hoàng Diệu	13.000
19.14	Đường Trưng Vương 2	Đường Phan Đình Phùng	Đường Hoàng Diệu	13.000
19.15	Đường Lê Lợi	Đường Lê Hồng Phong	Đường Phan Đình Phùng	12.000
	Hẻm 1, Đường Lê Lợi	Suốt hẻm		3.000
	Hẻm 2, Đường Lê Lợi	Suốt hẻm		2.200
19.16	Đường Phan Đình Phùng	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Triệu Nương	11.500
19.17	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Triệu Nương	9.000
19.18	Đường Nguyễn Tri Phương	Đường Hoàng Diệu	Đường Phan Đình Phùng	8.500
19.19	Đường đi Tài Công	Đường tỉnh 934	Giáp ranh xã Tài Văn	1.700
19.20	Đường đê bao Phú Hữu	Đường tỉnh 934	Giáp ranh xã Thạnh Thới An	1.800
19.21	Đường Triệu Nương	Ngã tư Phước Kiện	Đường Đoàn Minh Bảy	9.500
19.22	Đường Ngô Quyền	Cầu Bà Thủy	Cống thủy lợi	1.200

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất	
		Từ	Đến	VT1	
19.23	Đường Nguyễn Thái Học	Đường Hoàng Diệu	Hẻm 2, Đường Lê Lợi	2.700	
		Đoạn còn lại			1.500
19.24	Đường Trần Hưng Đạo (Thị trấn Mỹ Xuyên cũ)	Cầu Chà Và	Cổng gần nhà Mẹ Việt Nam Anh Hùng Trần Thị Năm	4.500	
		Cổng gần nhà Mẹ Việt Nam Anh Hùng Trần Thị Năm	Giáp ranh phường Phú Lợi	3.500	
19.25	Đường Phan Chu Trinh	Đường Ngô Quyền	Hết ranh Miếu Thành Hoàng (Miếu Ông Hổ)	1.300	
		Đoạn còn lại			900
19.26	Đường Phan Thanh Giản	Đường Triệu Nương	Hết tuyến	1.300	
19.27	Đường Văn Ngọc Tố	Rạch Chà Và	Rạch Bà Thủy	5.500	
19.28	Đường Đoàn Minh Bảy	Rạch Chà Và	Rạch Bà Thủy	5.500	
19.29	Đường Huỳnh Văn Chính	Đường tỉnh 934 (Dưới chân cầu Ông Diệp)	Đường vào cổng Bà Thủy	2.200	
		Đoạn còn lại			1.700
19.30	Đường Thầy Cùi	Đường Triệu Nương	Cầu Đình Thần	1.100	
19.31	Đường Lê Văn Duyệt	Đường Hoàng Diệu	Hẻm 5, Đường Triệu Nương	1.500	
19.32	Đường Hoàng Diệu	Cầu Chà Và	Cầu Bà Thủy	11.000	
19.33	Đường Phan Bội Châu	Đường Trần Hưng Đạo	Cầu Lò Heo	2.200	
		Đoạn còn lại			1.700
19.34	Đường Bạch Đằng	Đường Lê Hồng Phong	Cổng Hitech	3.500	
		Cổng Hitech	Giáp ranh phường Phú Lợi	4.000	
19.35	Đường vào Trường Tiểu học Mỹ Xuyên 2	Suốt tuyến			6.200
19.36	Đường vào Khu dân cư Điện Lực	Đường Lê Hồng Phong	Khu dân cư Điện lực	2.200	
19.37	Khu dân cư Sáng Quang (Phường Mỹ Xuyên)	Cả khu			2.800
19.38	Khu dân cư Lê Thìn (Phường Mỹ Xuyên)				
	Đường số 01	Suốt tuyến			5.000
	Các đường còn lại trong Khu dân cư	Suốt tuyến			3.200

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	VT1
19.39	Khu dân cư Điện lực	Cả khu		2.500
19.40	Khu dân cư Đại Thành	Cả khu		4.000
19.41	Khu dân cư Hồng Phát			
	Đường D1	Suốt tuyến		6.500
	Đường D2, D3; Đường N5	Suốt tuyến		5.500
	Các tuyến đường nội bộ còn lại	Suốt tuyến		4.000
19.42	Khu dân cư Hòa Mỹ	Cả khu		3.000
20	Phường Ngã Năm			
20.1	Quốc lộ 61B	Giáp ranh xã Tân Long	Cầu Đỏ mới	1.500
		Cầu Đỏ mới	Đường 30 Tháng 4	900
		Đường 30 Tháng 4	Cầu Trà Ban	800
20.2	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường 3 Tháng 2	Đường D4	8.000
		Đường D4	Cầu Thanh Niên (Khu vực 1)	4.000
		Cầu Thanh Niên (Khu vực 1)	Cầu Quản Lộ - Phụng Hiệp (Khu vực 7)	2.500
		Cầu Quản Lộ - Phụng Hiệp (Khu vực 7)	Kênh 90	2.000
		Kênh 90	Cầu ngã ba Chêch Cắm	1.000
20.3	Đường 3 Tháng 2	Đường Nguyễn Trung Trực	Đường Trần Văn Bảy	8.000
		Đường Trần Văn Bảy	Hết ranh Chùa Phật Mẫu	7.000
		Giáp ranh Chùa Phật Mẫu	Hết ranh đất Cây xăng số 1 (Hoàng Nhung)	5.500
		Giáp ranh đất Cây xăng số 1 (Hoàng Nhung)	Cầu Cống đá	5.000
20.4	Đường Lê Hồng Phong	Đường Mai Thanh Thế	Đường 3 Tháng 2	7.000
20.5	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Mai Thanh Thế	Đường 3 Tháng 2	8.000
20.6	Đường Võ Thị Sáu	Đường Mai Thanh Thế	Đường 3 Tháng 2	7.500
20.7	Đường Trần Văn Bảy	Đường Mai Thanh Thế	Đường 3 Tháng 2	7.500